

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền, ông Nguyễn Đình Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 22/3/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 01/4/2022, đối với bị cáo:

Sùng Mí T, sinh năm: 1989, tại xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí L, sinh năm 1962 và bà Mua Thị C, sinh năm: 1964; có vợ: Vàng Thị G, sinh năm: 1991 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân Giang – Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- Bị hại: Ông Lầu Mí P, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Phú Đ, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt.

2. Ông Sùng Mí C, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

3. Chị Chu Thị H, sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

4. Ông Ly Mí P, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông*: Ông Giàng Mí P; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/12/2021, thực hiện Quyết định số 308/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021 của Chủ tịch UBND xã H, huyện Y Tổ, Chốt thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại thôn M, xã H đang thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; tại Tổ, Chốt có 03 thành viên gồm Phạm Phú Đ là Công an viên xã H; Lầu Mí P là Công an viên thôn M; Sùng Mí C là Trưởng thôn M, xã H đang làm nhiệm vụ. Do bức xúc về việc bị cách ly tại nhà vì là đối tượng thuộc diện F1, Sùng Mí T, sinh năm 1989, trú tại thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang đi qua khu vực Tổ, Chốt có hành vi, lời nói, chửi bới, xúc phạm thành viên Tổ, Chốt và dùng tay phải cầm chiếc liềm đem theo cắt đứt dây giăng cảnh báo khu vực phong tỏa; khi đó các thành viên Tổ, Chốt đã tiến hành giải thích, tuyên truyền Sùng Mí T chấp hành nghiêm các quy định về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và đi về nhà nhưng Sùng Mí T không chấp hành mà có hành vi nhát đá ở đường ném 02 lần về phía các thành viên Tổ, Chốt đang làm nhiệm vụ: Lần thứ nhất, T ném đá về phía các thành viên Tổ, Chốt nhưng các thành viên tránh được nên không trúng ai; lần thứ hai T ném đá trúng vào ngực của Lầu Mí P. Thấy vậy, Lầu Mí P và Phạm Phú Đ tiến đến không chế ngăn chặn hành vi của Sùng Mí T; trong khi Lầu Mí P không chế, giữ Sùng Mí T ở tư thế T nằm dưới còn P nằm đè lên bên trên người T thì T liền dùng tay trái cầm lấy 01 hòn đá ở đường đánh 01 phát theo chiều hướng từ dưới lên trên, từ trái sang phải trúng vào vùng trán trái của Lầu Mí P khiến Lầu Mí P bị thương tích chảy máu phải vào Trạm y tế H điều trị. Sau đó, các thành viên Tổ, Chốt đã không chế, ngăn chặn được hành vi của Sùng Mí T, Công xã H đã báo cáo chuyên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 31/12/2021 bị hại Lầu Mí P có đơn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích của Sùng Mí T.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 16 giờ 30 phút ngày 20/12/2021, tại Trạm y tế xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, xác định trên thân thể Lầu Mí P có 02 vết thương gồm: 01 vết thương ở vùng trán dài 03cm, sâu sát xương, vết thương gọn, sạch; 01 vết thương ở ngực trái, vết thương chày xước rộng 03cm, dài 2,5cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 159/TgT, ngày 29/12/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Hà Giang đối với thương tích của Lầu Mí P kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định

- Sẹo 01(Vùng mặt): Vùng trán trái, kích thước nhỏ: 03%.
- Sẹo 02: Đường nạch trước, khoang liên sườn IV -V bên trái, kích thước trung bình: 02%.

2. Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019, của Bộ Y tế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 05% (Năm phần trăm).

3. Cơ chế.

- Sẹo 01: Do vật có cạnh tác động một lực mạnh hoặc có vật cản, hướng vuông góc với mặt da, trên nền xương cứng gây nên rách da, để lại sẹo, không tổn thương xương.
- Sẹo 02: Do vật tày tác động một lực mạnh hoặc có vật cản, hướng vuông góc với mặt da gây nên xây sát da để lại sẹo, không tổn thương xương.”

Vật chứng, tài sản của vụ án: 01 (một) chiếc liềm cắt cỏ dài 37,5cm. Lưỡi liềm bằng kim loại hình cung dài 16,5cm, bản rộng 2,8cm, chuôi cầm dài 21cm, đoạn đầu màu đen, bằng nhựa dài 10,2cm, đoạn giữa bằng kim loại dài 10,8cm. Liềm đã qua sử dụng; 01 (một) hòn đá, kích thước (12 x 08 x 03)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17,5 x 14 x 08)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17 x 08 x 07)cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 43cm, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 1,27m, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 08m, rộng 7,6cm; 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Hiện được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Sùng Mí T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại Lầu Mí P với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng bị hại Lầu Mí P không đồng ý nhận số tiền trên, mà yêu cầu Sùng Mí T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và bồi thường 07 ngày công không đi làm được với số tiền là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng), tổng số tiền bị hại Lầu Mí P yêu cầu bồi thường là 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng); nên bị cáo Sùng Mí T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho Cơ quan điều tra để bảo đảm thi hành án. Những người làm chứng trong Tổ, Chốt công tác không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSYM ngày 22/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử bị cáo Sùng Mí T về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 và các điểm a, k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng, phù hợp với biên bản ghi nhận hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra kèm sơ đồ bản ảnh, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, đồng thời được chứng minh bằng vật chứng đã bị thu giữ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng Mí T phạm tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Sùng Mí T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội chống người thi hành công vụ”.

+ Áp dụng các điểm a, k khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Sùng Mí T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Sùng Mí T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Về vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 (một) chiếc liềm cắt cỏ dài 37,5cm. Lưỡi liềm bằng kim loại hình cung dài 16,5cm, bản rộng 2,8cm, chuôi cầm dài 21cm, đoạn đầu màu đen, bằng nhựa dài 10,2cm, đoạn giữa bằng kim loại dài 10,8cm. Liềm đã qua sử dụng; 01 (một) hòn đá, kích thước (12 x 08 x 03)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17,5 x 14 x 08)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17 x 08 x 07)cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 43cm, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 1,27m, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 08m, rộng 7,6cm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 590 BLDS buộc bị cáo Sùng Mí T phải có trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại Lầu Mí P, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, tổng số tiền là 4.470.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện giao nộp từ trước cho CQĐT để đảm bảo thi hành án, hiện số tiền này đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2022, giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên trả số tiền còn lại là 530.000 đồng cho bị cáo Sùng Mí T.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về các tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự và miễn án phí như Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Về các tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo, người bào chữa có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm.

Bị cáo nhất trí luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi chống người thi hành công vụ và cố ý gây thương tích của mình đã thực hiện là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội quay về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bào chữa và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tài liệu do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập; người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng cung cấp, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập; người bào chữa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng Phạm Phú Đ, Ly Mí P không có lý do, tuy nhiên những người làm chứng đã có lời khai trong giai đoạn

điều tra, xét thấy việc những người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai và lời nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của Tổ, chốt phòng, chống dịch Covid-19 tại thôn M, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, người bị hại và những người làm chứng, ngoài ra còn phù hợp với biên bản ghi nhận hiện trường, biên bản, sơ đồ, bản ảnh thực nghiệm điều tra và các vật chứng thu giữ cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định, các hành vi phạm tội của bị cáo Sùng Mí T như sau: Do bức xúc vì bị áp dụng biện pháp cách ly tại nhà vì bản thân thuộc diện F1, bị cáo Sùng Mí T là người có năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi chửi bới, xúc phạm, dùng vũ lực là chiếc liềm cắt đứt dây cảnh báo, dùng đá ném vào Tổ, Chốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo Quyết định số 308/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021 của Chủ tịch UBND xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, xâm phạm hoạt động bình thường, đúng đắn của tổ công tác đang làm nhiệm vụ; khi bị ngăn chặn, khống chế bị cáo dùng đá đánh vào đầu gây thương tích cho Lâu Mí P là thành viên trong Tổ, Chốt công tác gây tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05% (năm phần trăm); do đó có đủ cơ sở kết luận các hành vi của bị cáo đã phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[5] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về các tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Sùng Mí T phạm tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 và điểm a, k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Sùng Mí T là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ mà còn xâm phạm đến quyền được tôn trọng, bảo vệ sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, tác động xấu đến lĩnh vực an toàn cộng đồng, trật tự công cộng nhất là trong khi diễn biến dịch bệnh Covid-19 vô cùng phức tạp, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, trong khi bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; do vậy phải xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự với mức án đủ nghiêm, tương xứng với các hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng Mí T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng Mí T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; là người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định ở vùng có điều kiện phát triển kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình thuộc diện hộ nghèo của thôn, xã theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 do vậy cần xem xét để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

[9] Về tổng hợp hình phạt: Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo Sùng Mí T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Lầu Mí P yêu cầu bị cáo Sùng Mí T bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 10.000.000 đồng và bồi thường 07 ngày công không đi làm được với số tiền là 1.400.000 đồng, tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là 11.400.000 đồng; Tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm bồi thường của bị cáo cho bị hại theo quy định của pháp luật; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không cung cấp được các chứng từ hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập thực tế bị mất; do vậy căn cứ vào tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với bị hại là 05%; căn cứ vào độ tuổi, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị hại và tình hình thực tế; căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự; mục 1 Phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của HĐTP TANDTC, xét thấy mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần là 03 lần mức lương cơ sở là phù hợp; căn cứ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm hiện tại là 1.490.000 đồng (theo Nghị quyết 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018, Nghị quyết 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019; Nghị quyết 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020); như vậy 03 lần mức lương cơ sở tương ứng với số tiền là 4.470.000 đồng, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra để đảm bảo thi hành án, hiện số tiền này được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2022, giữa cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

[11] Đối với số tiền thu nhập thực tế bị mất theo yêu cầu của bị hại trong quá trình điều tra là 07 ngày với số tiền là 1.400.000 đồng, nhưng bị hại không cung cấp được chứng từ chứng minh, đồng thời quá trình điều tra xác định, sau khi bị thương tích bị hại có đến Trạm Y tế xã H điều trị, được thăm khám, khâu vết thương sau đó về nhà (không có chỉ định của bác sĩ sau khi về nhà phải điều trị bao nhiêu ngày), chi phí khám chữa bệnh của bị hại đã được bảo hiểm thanh

toán toàn bộ; do vậy không có căn cứ để chấp nhận số tiền yêu cầu bồi thường này của bị hại Lầu Mí P trong quá trình điều tra.

[12] Đối với số tài sản bị cáo tự nguyện nộp để bảo đảm thi hành án còn lại là 530.000 đồng, cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Sùng Mí T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo: Căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ các hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

[14] Về xử lý vật chứng: Xét thấy các vật chứng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, là vật không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu.

[15] Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) chiếc liềm cắt cỏ dài 37,5cm. Lưỡi liềm bằng kim loại hình cung dài 16,5cm, bản rộng 2,8cm, chuôi cầm dài 21cm, đoạn đầu màu đen, bằng nhựa dài 10,2cm, đoạn giữa bằng kim loại dài 10,8cm. Liềm đã qua sử dụng; 01 (một) hòn đá, kích thước (12 x 08 x 03)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17,5 x 14 x 08)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17 x 08 x 07)cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 43cm, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 1,27m, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 08m, rộng 7,6cm.

[16] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng Mí T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí T phạm tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Mí T 7 (bảy) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm a, k khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Mí T 6 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

3. Tổng hợp hình phạt: Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Sùng Mí T chấp hành hình phạt của hai tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý gây thương tích”, là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Sùng Mí T kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2022 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

4. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Sùng Mí T bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị hại Lầu Mí P số tiền là 4.470.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án. (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2022, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

5. Xử lý vật chứng, tài sản: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là 01 (một) chiếc liềm cắt cỏ dài 37,5cm. Lưỡi liềm bằng kim loại hình cung dài 16,5cm, bản rộng 2,8cm, chuôi cầm dài 21cm, đoạn đầu màu đen, bằng nhựa dài 10,2cm, đoạn giữa bằng kim loại dài 10,8cm. Liềm đã qua sử dụng; 01 (một) hòn đá, kích thước (12 x 08 x 03)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17,5 x 14 x 08)cm; 01 (một) hòn đá, kích thước (17 x 08 x 07)cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 43cm, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 1,27m, rộng 7,6cm; 01 (một) đoạn dây cảnh báo: Dài 08m, rộng 7,6cm.

- Trả lại cho bị cáo Sùng Mí T số tiền 530.000 đồng.

(Tình trạng các vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang).

6. Án phí hình sự: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng Mí T.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06
Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh